

Số: 01/2021/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2021

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về phối hợp, liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đăng ký kinh doanh;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh. Các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này được sử dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

2. Thông tư này áp dụng cho các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 2. Chuyển đổi dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh, Cơ quan đăng ký đầu tư chịu trách nhiệm chuyển đổi thông tin đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp từ hồ sơ, dữ liệu lưu trữ tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Thông tin được bổ sung vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phải trùng khớp so với thông tin gốc tại hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.

Điều 3. Số hóa và lưu trữ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

1. Phòng Đăng ký kinh doanh có trách nhiệm số hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với hồ sơ được nộp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh và lưu trữ đầy đủ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi cấp đăng ký doanh nghiệp.

2. Đối với những hồ sơ đăng ký doanh nghiệp chưa được số hóa trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Phòng Đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm số hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và lưu trữ đầy đủ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Phòng Đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về chất lượng số hóa hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

Điều 4. Chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

1. Trên cơ sở thông tin đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi địa phương quản lý, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo về việc rà soát thông tin đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đến doanh nghiệp, yêu cầu doanh nghiệp đối chiếu, bổ sung, cập nhật thông tin và phản hồi tới Phòng Đăng ký kinh doanh trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin phản hồi tới Phòng Đăng ký kinh doanh.

2. Phòng Đăng ký kinh doanh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế và các cơ quan liên quan khác xây dựng kế hoạch triển khai và kế hoạch ngân sách hàng năm phục vụ công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng

ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp trong phạm vi địa phương quản lý.

Điều 5. Cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp

1. Tổ chức, cá nhân có thể đề nghị để được cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Doanh nghiệp tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh thuộc Cục Quản lý đăng ký kinh doanh) hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải trả phí theo quy định.

Trung tâm hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh có thẩm quyền cung cấp thông tin của tất cả các doanh nghiệp lưu giữ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Phòng Đăng ký kinh doanh có thẩm quyền cung cấp thông tin về doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi địa phương quản lý.

2. Mức phí cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Phòng Đăng ký kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, doanh nghiệp, hộ kinh doanh và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2021.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp và Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Văn phòng chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án NDTC, viện Kiểm sát NDTC;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Tổng cục Thuế;
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Thuế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo,
- Website Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ KH&ĐT;
- Lưu: VT, ĐKKD (NV).

Nguyễn Chí Dũng

DANH MỤC

CÁC MẪU VĂN BẢN SỬ DỤNG TRONG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Danh mục	Ký hiệu
I	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp và Danh sách kèm theo	
1	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp tư nhân	Phụ lục I-1
2	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên	Phụ lục I-2
3	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên	Phụ lục I-3
4	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần	Phụ lục I-4
5	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty hợp danh	Phụ lục I-5

STT	Danh mục	Ký hiệu
6	Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên	Phụ lục I-6
7	Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần	Phụ lục I-7
8	Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài	Phụ lục I-8
9	Danh sách thành viên công ty hợp danh	Phụ lục I-9
10	Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền	Phụ lục I-10
II	Thông báo và các văn bản khác do doanh nghiệp phát hành	
11	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục II-1
12	Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật	Phụ lục II-2
13	Thông báo thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân	Phụ lục II-3
14	Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên	Phụ lục II-4
15	Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục II-5
16	Thông báo về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Phụ lục II-6
17	Thông báo về việc đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	Phụ lục II-7
18	Thông báo về việc lập chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài	Phụ lục II-8
19	Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	Phụ lục II-9
20	Giấy đề nghị hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	Phụ lục II-10
21	Thông báo về việc phản hồi kết quả rà soát thông tin đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý doanh nghiệp	Phụ lục II-11
22	Giấy đề nghị hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục II-12
23	Giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Phụ lục II-13
24	Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	Phụ lục II-14
25	Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoạt động theo Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp	Phụ lục II-15
26	Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	Phụ lục II-16

STT	Danh mục	Ký hiệu
27	Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài/công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam	Phụ lục II-17
28	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	Phụ lục II-18
29	Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	Phụ lục II-19
30	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	Phụ lục II-20
31	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài	Phụ lục II-21
32	Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp	Phụ lục II-22
33	Thông báo về việc hủy bỏ Nghị quyết/Quyết định giải thể doanh nghiệp	Phụ lục II-23
34	Giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục II-24
35	Giấy đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục II-25
36	Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Phụ lục II-26
37	Thông báo thay đổi nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Phụ lục II-27
38	Thông báo chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Phụ lục II-28
III	Mẫu văn bản quy định cho hộ kinh doanh	
39	Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục III-1
40	Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục III-2
41	Thông báo thay đổi chủ hộ kinh doanh	Phụ lục III-3
42	Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Phụ lục III-4
43	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Phụ lục III-5
44	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục III-6
IV	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	
45	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tư nhân	Phụ lục IV-1
46	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên	Phụ lục IV-2
47	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên	Phụ lục IV-3
48	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần	Phụ lục IV-4
49	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty hợp danh	Phụ lục IV-5
50	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện	Phụ lục IV-6
51	Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	Phụ lục IV-7

STT	Danh mục	Ký hiệu
V	Thông báo và các văn bản khác của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh	
52	Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục V-1
53	Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	Phụ lục V-2
54	Giấy chứng nhận.../Giấy xác nhận... (dùng trong trường hợp cấp lại do mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác)	Phụ lục V-3
55	Thông báo về cơ quan thuế quản lý trực tiếp	Phụ lục V-4
56	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục V-5
57	Thông báo về việc dừng/từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục V-6
58	Thông báo yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về việc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp	Phụ lục V-7
59	Thông báo về việc hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện	Phụ lục V-8
60	Thông báo về việc rà soát thông tin đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp	Phụ lục V-9
61	Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	Phụ lục V-10
62	Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh	Phụ lục V-11
63	Giấy xác nhận về việc chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh	Phụ lục V-12
64	Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	Phụ lục V-13
65	Giấy xác nhận về việc chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	Phụ lục V-14
66	Giấy xác nhận về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Phụ lục V-15
67	Thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện	Phụ lục V-16
68	Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục V-17
69	Quyết định về việc hủy bỏ Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục V-18
70	Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện	Phụ lục V-19
71	Quyết định về việc hủy bỏ Quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/ văn phòng đại diện	Phụ lục V-20
72	Quyết định về việc hủy bỏ nội dung đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục V-21
73	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	Phụ lục V-22
74	Thông báo về việc doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể	Phụ lục V-23
75	Thông báo về việc doanh nghiệp đã giải thể/chấm dứt tồn tại	Phụ lục V-24

STT	Danh mục	Ký hiệu
76	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	Phụ lục V-25
77	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh qua mạng điện tử	Phụ lục V-26
78	Công bố nội dung đăng ký thành lập doanh nghiệp	Phụ lục V-27
79	Công bố thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục V-28
80	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>trong các trường hợp khác</i>)	Phụ lục V-29
81	Thông báo về việc khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục V-30
82	Thông báo về việc cấp đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục V-31
83	Thông báo về việc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh không có hiệu lực	Phụ lục V-32
VI	Mẫu văn bản quy định cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện	
84	Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục VI-1
85	Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (<i>dùng trong trường hợp cấp lại do mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác</i>)	Phụ lục VI-2
86	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục VI-3
87	Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo về việc tuân thủ các quy định của Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục VI-4
88	Thông báo về việc vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục VI-5
89	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Phụ lục VI-6
90	Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục VI-7
91	Quyết định về việc hủy bỏ nội dung đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục VI-8
92	Quyết định về việc hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục VI-9
93	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục VI-10
94	Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	Phụ lục VI-11
95	Giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	Phụ lục VI-12
96	Thông báo về việc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh không có hiệu lực	Phụ lục VI-13
97	Thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do chuyển địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh	Phụ lục VI-14
VII	Mẫu văn bản quy định cho tổ chức, cá nhân	
98	Giấy đề nghị cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục VII-1
99	Giấy đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục VII-2
VIII	Phụ lục khác	

STT	Danh mục	Ký hiệu
100	Danh mục chữ cái và ký hiệu sử dụng trong đặt tên doanh nghiệp/đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp/địa điểm kinh doanh/hộ kinh doanh	Phụ lục VIII-1
101	Mã cấp tỉnh, cấp huyện sử dụng trong đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục VIII-2
102	Phông (font) chữ, cỡ chữ, kiểu chữ sử dụng trong các mẫu giấy	Phụ lục VIII-3

Danh mục và Hệ thống biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư được đăng tải tại:
<http://vbqpppl.mpi.gov.vn/Pages/default.aspx?itemId=29c621f-78ed-4600-8f82-aae496cb1f2f&list=documentDetail>

FILE ĐƯỢC ĐÍNH KÈM THEO VĂN BẢN



Phụ lục